TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2024
V/v t*ranh chấp: "Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thành Trại
2. Ông Tạ Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục -Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 740/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cao Văn K, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp P, xã P, H. C, T. T

- Bị đơn: Đặng Thị Thu H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp P, xã P, H . C, T.Tiền Giang

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Cao Văn K trình bày: anh và chị Đặng Thị Thu H chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hoà hợp. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 03 con là Cao Trung T, sinh năm 1990, Cao Thị Ngọc G, sinh năm 1992 và Cao Hoài T1, sinh năm 2003, các con đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Đặng thị Thu H1 trình bày: chị thống nhất trình bày của anh K về thời gian chung sống, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm. Nay tình cảm không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Thống nhất có 03 con như anh K trình bày, các con đã thành niên, chị không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, anh Cao Văn K và chị Đặng Thị Thu H thống nhất ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn K, không công nhận anh Cao văn K1 và chị Đặng Thị Thu H là vợ chồng. Con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét thấy, anh Cao Văn K và chị Đặng Thị Thu H chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật mặc dù anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm và đã ly thân năm 2013 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K xin ly hôn và chị H cũng đồng ý ly hôn. Tuy anh chị thuận tình ly hôn nhưng giữa anh chị không có đăng ký kết hôn, căn cứ vào điều 53 Luật hôn nhân gia đình cần không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con là Cao Trung T, sinh năm 1990, Cao Thị Ngọc G, sinh năm 1992 và Cao Hoài T1, sinh năm 2003, các con đã thành niên, anh K, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh K phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cao Văn K.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Cao Văn K và chị Đặng Thị Thu H là vợ chồng.

Về án phí: anh Cao Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0010681 ngày 11/12/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, anh K đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phan Thị Kim Hà